

**TÒA ÁN NH1 DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-10-2019
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NH1 DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NH1 DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mạc Thị Chiên

Các Hội thẩm nH1 dân:

1. Bà Trần Thị Út
2. Ông Võ Văn Cho

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chúc Linh – Thẩm tra viên của Tòa án nH1 dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nH1 dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nH1 dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 180/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị H

Địa chỉ: Tổ 3, khóm 4, phường TP, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long – Có mặt.

2. Bị đơn: Võ Lê Minh S

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn BN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Kim L

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn BN, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Châu Thành A, Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Chính

Địa chỉ: Ấp TT, thị trấn Một Ngàn, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà H trình bày: Bà và ông Võ Lê Minh S tự nguyện đi đến hôn nH1 vào năm 2002, đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn. Từ tháng 01/2019 vợ chồng bắt đầu sống ly tH1. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông S nên bà xin ly hôn với ông S.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Võ Minh Nhựt (nam) sinh ngày 14/10/2003 và cháu Võ Gia H1 (nữ) sinh ngày 08/12/2010, hai cháu hiện đang sống cùng bà H, sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Bà có cùng mẹ chồng là Lê Kim L đứng vay 60.000.000đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Châu Thành A, đối với số nợ này bà đồng ý trả 30.000.000đồng.

Bị đơn ông Võ Lê Minh S trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà H về quá trình đi đến hôn nH1. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi và cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Đến đầu năm 2019 thì vợ chồng sống ly tH1. Nay bà H yêu cầu được ly hôn, ông không đồng ý.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Võ Minh Nhựt (nam) sinh ngày 14/10/2003 và cháu Võ Gia H1 (nữ) sinh ngày 08/12/2010, hai cháu hiện đang sống cùng bà H. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để bà H nuôi hai con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng ông có vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang số tiền 60.000.000đồng, nợ được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của mẹ ông là bà Lê Kim L. Nếu tòa giải quyết cho ly hôn, ông yêu cầu bà H phải trả 30.000.000đồng tiền nợ ngân hàng.

Quá trình tố tụng tại tòa án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam ông Trần Văn Chính trình bày: Bà Lê Thị H có đứng vay tiền cùng với bà Lê Kim L, số tiền gốc là 60.000.000đồng, nợ được bảo đảm bằng QSDĐ do bà L đứng tên chủ sử dụng. Do nợ chưa đến hạn và vụ án cũng không giải quyết phần đất của bà L thế chấp tại Ngân hàng nên Ngân hàng không yêu cầu đòi nợ trong vụ án này. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, ngân hàng sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Do bận công việc nên ông Chính yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Bà Lê Kim L đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tới tham gia tố tụng tại tòa án do đó không ghi nhận được ý kiến của bà Lê Kim L.

Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông S và yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Ông S đồng ý ly hôn với bà H, đồng ý giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con chung mà tùy vào khả năng và thu nhập hàng tháng ông sẽ cho các con một khoản tiền phù hợp.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục

tổ tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông S. Về con chung: Giao các cháu Võ Minh Nhựt (nam) sinh ngày 14/10/2003 và cháu Võ Gia H1 (nữ) sinh ngày 08/12/2010 cho bà H nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung nên ông S chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung và tài sản chung không đặt ra xem xét. Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Lê Thị H và ông Võ Lê Minh S do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm được với nhau nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Châu Thành A, Hậu Giang có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn Chính vắng mặt có yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt, bà Lê Kim L vắng mặt không có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên do Ngân hàng không yêu cầu đòi nợ trong vụ án này nên việc vắng mặt bà L không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy hôn nhân giữa bà H và ông S có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bà H cho rằng do khó khăn trong chuyện tiền bạc, bà không còn tình cảm với ông S nên xin được ly hôn. Ông S cho rằng vợ chồng thường xuyên cự cãi, đời sống không còn hạnh phúc nên cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà H và ông S.

[4] Về con chung: Bà H và ông S có 02 con chung là cháu Võ Minh Nhựt (nam) sinh ngày 14/10/2003 và cháu Võ Gia H1 (nữ) sinh ngày 08/12/2010, sau khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Ông S cũng đồng ý để bà H nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, cũng phù hợp với nguyện vọng

của cháu Nhựt và cháu H1, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự khai thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông S cho rằng, ông và bà H có nợ Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Châu Thành A số tiền 60.000.000đồng, sau khi ly hôn ông yêu cầu bà H trả 30.000.000đồng, tuy nhiên phía đại diện ngân hàng cho rằng khoản nợ này do bà H và bà L là mẹ ông S đứng vay, có thể chấp QSDĐ do bà L đứng tên chủ sử dụng để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, do nợ chưa đến hạn nên ngân hàng không yêu cầu giải quyết phần nợ trong vụ án xin ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Sau này nếu có phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7]. Về án phí: Án phí hôn nH1 gia đình sơ thẩm buộc bà H phải chịu án phí hôn nH1 gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

[8]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nH1 dân huyện Châu Thành A có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nH1 và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nH1: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lê Thị H và ông Võ Lê Minh S.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao hai cháu Võ Minh Nhựt (nam) sinh ngày 14/10/2003 và cháu Võ Gia H1 (nữ) sinh ngày 08/12/2010 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Bà H không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung. Ông S có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tách phần nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chưa xem xét giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nH1 và gia đình sơ. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0021738 ngày 01/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- UBND TT Bảy Ngàn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Mạc Thị Chiên